|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

***(Ban hành kèm theo quyết định số QĐ/ĐHKTQD, ngày tháng năm 2019)***

**1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)**

|  |  |
| --- | --- |
| ***- Tên học phần (tiếng Việt): Tiếng Pháp*** |  |
| ***- Tên học phần (tiếng Anh): French*** |  |
| ***- Mã số học phần: NNKC1110*** |  |
| ***- Thuộc khối kiến thức: kiến thức ngành, tự chọn*** |  |
| ***- Số tín chỉ: 3*** |  |
| ***+ Số giờ lý thuyết: 20*** |  |
| ***+ Số giờ thảo luận: 18*** |  |
| ***- Các học phần tiên quyết: Không*** |  |

**2. THÔNG TIN GIẢNG VIÊN**

Giảng viên: Ngô Hồng Lan; Email: lannh@neu.edu.vn

Giảng viên: Nguyễn Kiều Ngân; Email: Ngankn@neu.edu.vn

**3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)**

Mục tiêu rèn luyện cho sinh viên bắt đầu làm quen tất cả các kỹ năng của tiếng Pháp: nhận biết mặt chữ, phát âm chuẩn, nghe hiểu câu ngắn, đơn giản, nói được các câu theo mẫu đơn giản ; đọc hiểu các câu hoặc các đoạn văn ngắn đơn giản và kỹ năng học từ vựng theo các chủ đề để có thể sử dụng tiếng Pháp trong các tình huống thường gặp hàng ngày và trong du lịch. Trình độ kiến thức về tiếng Pháp của sinh viên đạt được sau học phần Tiếng Pháp 1 là cấp độ sơ cấp. Đó là lượng kiến thức nền tảng, gồm tất cả các kỹ năng nhằm tiến tới việc mở rộng và nâng cao hơn trong các học phần tiếp theo. Thông qua việc học tập, sinh viên có thể phát triển được khả năng tự đọc hiểu các câu đơn giản, đoạn văn ngắn có độ dài khoảng từ 80 – 100 từ, tự rèn luyện phát âm, tập đặt câu, viết câu ngắn, giao tiếp đơn giản trên lớp và ở nhà bằng Tiếng Pháp.

**4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)**

**Giáo trình**

Guy Capelle, Robert Menand (2009).*Le Nouveau Taxi 1 – Livre d’élève*, Hachette.

Guy Capelle, Robert Menand (2009).*Le Nouveau Taxi 1 – Cahier d’exercice*, Hachette.

**Tài liệu khác**

Evelyne Berard, Yves Canier (1997). *Tempo 1,* Didier Hatier.

Sylvie Poisson – Quinton (2005). *Grammaire expliqué du franҁais*, CLE.

Claire Miquel (2009). *Grammaire en dialogues*, CLE.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)**

**Bảng 5.1. Mục tiêu học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Chuẩn đầu ra của CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** | **[4]** |
| G1 | Cung cấp cho sinh viên từ vựng và các mẫu câu đơn giản theo các chủ đề, tình huống thường gặp hàng ngày và trong hoạt động du lịch | CĐR 2.2.1 | III |
| G2 | Sau học phần này, sinh viên sẽ có kỹ năng thực hành sử dụng Tiếng Pháp ở trình độ A1.1. Sinh viên có khả năng sử dụng ngôn ngữ trong những tình huống rất quen thuộc của cuộc sống. Sinh viên có khả năng sử dụng các cấu trúc ngôn ngữ đơn giản. | CĐR 2.2.1 | III |
| G3 | Thông qua việc học tập, sinh viên có thể phát triển được khả năng tự tìm hiểu kiển thức : tự đọc, tự rèn luyện phát âm, tập đặt câu, viết câu ngắn, giao tiếp đơn giản trên lớp và ở nhà bằng Tiếng Pháp. | CĐR 3.1.1 | III |

**6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)**

**Bảng 6.1.Năng lực người học học phần (CLO)**

| **CĐR** | **CLOs** | **Mô tả năng lực người học** | **Trình độ năng lực** |
| --- | --- | --- | --- |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** | **[4]** |
| 2.1.1  3.1.1 | LO 2.1 | **Kỹ năng Nghe:** Sinh viên nghe hiểu những đoan hội thoại ngắn, đơn giản với nội dung thường gặp như : chào hỏi, giới thiệu bản thân, thông tin của người khác và gia đình họ, có thể nghe và điền vào chỗ trống theo mẫu đơn giản. | 3 |
| 2.1.1  3.1.1 | LO 2.2 | **Kỹ năng Nói:** Sinh viên có thể sử dụng một số mẫu câu lịch sự trong giao tiếp như chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, có thể giới thiệu và miêu tả về bản thân, gia đình, bạn bè... | 3 |
| 2.1.1  3.1.1 | LO 2.3 | **Kỹ năng Đọc:** Sinh viên có thể đọc hiểu các đoạn văn ngắn đơn giản, các tin nhắn, quảng cáo ngắn với nội dung thường gặp | 3 |
| 2.1.1  3.1.1 | LO 2.4 | **Kỹ năng Viết:** Sinh viên có thể viết phiếu thông tin hoặc một đoạn văn ngắn về bản thân hay về một đối tượng theo mẫu. | 3 |

**7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)**

**Bảng 7.3. Đánh giá học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Nội dung** | **Thời điểm** | **NLNH học phần** | **Tiêu chí đánh giá** | **Tỷ lệ (%)** |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** | **[4]** | **[5]** | **[6]** |
| Chuyên cần | Điểm danh, tích cực xây dựng bài trên lớp, hoàn thành bài tập về nhà | Tuần 1-13 | LO 2.1 – LO 2.4 | Điểm danh, tích cực xây dựng bài trên lớp, hoàn thành bài tập về nhà | 10% |
| Kiểm tra giữa kỳ cá nhân | Kỹ năng nói và kỹ năng nghe | Tuần 6 | LO 2.1 – LO 2.4 | Bài kiểm tra giữa kỳ số 1 (Nói) bao gồm các hình thức sau:   * Trình bày độc thoại 1 chủ đề * Đối thoại với giám khảo * Đóng vai tình huống thực tế với giám khảo   Bài kiểm tra giữa kỳ số 2 (Nghe) bao gồm các dạng câu hỏi sau:   * Câu hỏi trắc nghiệm * Câu hỏi tự luận * Nối * Điền từ vào chỗ trống * Vẽ sơ đồ | 30% |
| Đánh giá cuối kỳ | Thi kết thúc học kỳ | Lịch thi học phần | LO 2.1 – LO 2.4 | Sinh viên làm bài tự luận/ trắc nghiệm   * Điền từ vào chỗ trống * Câu hỏi tự luận * Viết đoạn văn ngắn * Tả tranh * Dịch | 60% |

**8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)**

**8.1. Nội dung giảng dạy**

**Leçon 0**

* La France et le français
* L’alphabet
* Les nombres
* Les voyelles et les consonnes
* Les mots et les phrases

**Leçon 1**

* **Objectifs linguistiques:** Être et s’appeler au singulier du présent, Masculin et féminin, L’interrogation avec qui, L’intonation montante et descendante.
* **Objectifs communicatifs**: Saluer, Demander et dire le prénom et le nom.
* **Savoir-faire:** Se présenter et présenter quelqu’un.

**Leçon 2**

* **Objectifs linguistiques:** L’article déﬁni au singulier, Le genre des noms et des adjectifs, Prépositions + noms de pays/ville.
* **Objectifs communicatifs:** Identiﬁer une personne.
* **Savoir-faire:** Faire connaissance avec quelqu’un

**Leçon 3**

* **Objectifs linguistiques:** Aller et avoir au singulier du présent, L’adjectif possessif au singulier, L’article indéﬁni au singulier : un(e), L’adjectif interrogatif quel(le).
* **Objectifs communicatifs:** Aborder quelqu’un, Demander l’âge, l’adresse, le numéro de téléphone.
* **Savoir-faire:** Demander des nouvelles d’une personne.

**Leçon 4** : Révision

* Se présenter.
* Chercher un(e) correspondant(e).

**Leçon 5**

* **Objectifs linguistiques:** Le pluriel des articles et des noms, Il y a, Les prépositions de lieu, L’interrogation avec qu’est-ce que, Être au pluriel.
* **Objectifs communicatifs:** Nommer, montrer et situer des objets.
* **Savoir-faire:** Décrire et localiser des objets.

**Leçon 6**

* **Objectifs linguistiques:** Les pronoms toniques moi, toi, lui, elle, vous, La négation ne… pas, L’accord des adjectifs avec le nom, Les adjectifs possessifs au pluriel, Avoir au pluriel du présent.
* **Objectifs communicatifs:** Exprimer la possession, Indiquer les couleurs.
* **Savoir-faire:** Identiﬁer quelqu’un.

**Leçon 7**

* **Objectifs linguistiques:** L’adjectif interrogatif quel(le), L’interrogation avec comment, combien, Les adjectifs démonstratifs ce(s), cet(te).
* **Objectifs communicatifs:** Caractériser un objet, Demander et indiquer le prix, Exprimer des goûts.

**Savoir-faire:** Faire des achats.

**Leçon 8 :** Révision

* Montrer et situer des personnes.
* Comprendre un texte court.

**8.2. Kế hoạch giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung** | **NLNH học phần** | **Hoạt động dạy và học** | **Bài đánh giá** |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** | **[4]** | **[5]** |
| 1 | **Leçon 0** | 2.1 – 2.4 | **Giảng viên**   * Giới thiệu học phần, đề cương chi tiết, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, nội quy lớp học, quy định thi, kiểm tra, đánh giá, hướng dẫn kế hoạch học tập, xây dựng các nhóm học tập. * Thuyết giảng * Thực hành   **Sinh viên:**   * Đọc trước nội dung leçon 1. * BTVN: Cahier d’exercice | Chuyên cần |
| 2-3 | **Leçon 1** | 2.1 – 2.4 | **Giảng viên**   * Thuyết giảng * Thực hành   **Sinh viên:**   * Đọc trước nội dung leçon 2. * BTVN: Cahier d’exercice 1 | Chuyên cần |
| 3-4 | **Leçon 2** | 2.1 – 2.4 | **Giảng viên**   * Thuyết giảng * Thực hành   **Sinh viên:**   * Đọc trước nội dung leçon 3. * BTVN: Cahier d’exercice 2 | Chuyên cần |
| 5–6 | **Leçon 3** | 2.1 – 2.4 | **Giảng viên**   * Thuyết giảng * Thực hành   **Sinh viên:**   * Đọc trước nội dung leçon 4.   BTVN: Cahier d’exercice 3 | Chuyên cần |
| 6-7 | **Leçon 4** | 2.1 – 2.4 | **Giảng viên**   * Thuyết giảng * Thực hành   **Sinh viên:**   * Đọc trước nội dung leçon 5. * BTVN: Cahier d’exercice 4 * Ôn tập các kiến thức đã học để kiểm tra giữa kì. | Chuyên cần |
| 8 | **Kiểm tra giữa học kỳ** |  |  |  |
| 9-10 | **Leçon 5** | 2.1 – 2.4 | **Giảng viên**   * Thuyết giảng * Thực hành   **Sinh viên:**   * Đọc trước nội dung leçon 2. * Tập miêu tả vị trí các đồ vật trong phòng. * BTVN: Cahier d’exercice | Chuyên cần |
| 10-11 | **Leçon 6** | 2.1 – 2.4 | **Giảng viên**   * Thuyết giảng * Thực hành   **Sinh viên:**   * Đọc trước nội dung leçon 7. * Tập miêu tả 1 người thân, bạn bè,… * BTVN: Cahier d’exercice 6 | Chuyên cần |
| 12-13 | **Leçon 7** | 2.1 – 2.4 | **Giảng viên**   * Thuyết giảng * Thực hành   **Sinh viên:**   * Đọc trước nội dung leçon 8. * BTVN: Cahier d’exercice 7 | Chuyên cần |
| 13 | **Leçon 8** | 2.1 – 2.4 | **Giảng viên**   * Thuyết giảng * Thực hành   **Sinh viên:**  Ôn tập toàn bộ các kiến thức đã học để thi học kì. | Chuyên cần |

**9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)**

**9.1. Quy định về tham dự lớp học**

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Sinh viên có trách nhiệm chủ động nghiên cứu tài liệu, chủ động chuẩn bị bài học trước khi đến lớp theo hướng dẫn và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên vắng quá 20% tổng số buổi học của học phần sẽ bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.

- Sinh viên nộp bài tập cá nhân muộn so với thời gian quy định của giảng viên sẽ nhận điểm 0 của bài tập đó.

- Sinh viên sẽ được yêu cầu trả lời các câu hỏi vấn đáp ngẫu nhiên trong suốt 12 buổi học

- Về trao đổi giữa giảng viên và sinh viên: Khuyến khích sinh viên tham gia thảo luận, phản hồi trực tiếp với giảng viên về nội dung học phần, phương pháp dạy và học, tài liệu giảng dạy và đọc. Giảng viên cũng khuyến khích sinh viên phản hồi về hình thức, phương pháp và nội dung kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Sinh viên có thể giao trao đổi với giảng viên trên lớp, trong giờ hành chính hoặc qua email. Những thông tin phản hồi của sinh viên có giá trị góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của học phần.

**9.2. Quy định về hành vi lớp học**

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy.

- Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

- Sinh viên cần chủ động tham gia bài giảng trên lớp thông qua thảo luận nhóm, thảo luận trên lớp, nghiên cứu tình huống, thuyết trình

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Xác nhận của Trường** | **Trưởng Bộ môn** | **Giảng viên** |